TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2022
"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Dân;

2. Ông Nguyễn Văn Diệu;

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXX-DS ngày 13/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: + Ông Vũ Đức T, sinh năm 1956

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958

Đều cư trú: Số X, đường Y, khu đô thị T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu L – Luật sư văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: + Ông Nguyễn Danh D, sinh năm 1959

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963

Đều Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Đều cư trú: tổ dân phố số X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Ông L có mặt; ông T, bà L, ông D, bà T1 đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị L đang sử dụng hợp pháp một mảnh đất có diện tích 233.1 m^2, tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 2, thuộc tổ dân phố số X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nguồn gốc thửa đất do ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị L mua lại của ông Đỗ Đình Th và bà Nguyễn Thị L1 (bà L1 là em gái bà L) vào ngày 25/12/1996 có diện tích đất là 67 m^2 địa chỉ thửa đất tổ dân phố số X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình với giá khoảng 42.000.000 đồng có biên bản bàn giao đất. Diện tích đất bàn giao như sau: phía đông dài 9,3 mét giáp đất ông Bùi Ngọc H, bà Trần Thị Y, phía Tây dài 9,2 mét giáp đường 217 (nay là đường 396B), phía Nam dài 6,6 mét giáp rãnh thoát nước, phía bắc dài 7 mét giáp ngõ đi ông Trần Đình H1 lúc đó thửa đất này là thửa đất số 15. Đến năm 2003 thì ông H, bà Y có thửa đất, số thửa 16, diện tích 244,2m^2, hai thửa đất này (thửa 15 và 16) giáp cõi và đều ở địa chỉ tổ X thị trấn Q, huyện Q. Do thửa đất số 15 nằm phía ngoài, giáp mặt đường giao thông 396B, còn thửa đất số 16 nằm phía trong giáp khu dân cư nên hai bên đã thỏa thuận về việc chuyển nhượng đất của hai thửa cho nhau, theo đó ông T, bà L chuyển nhượng cho ông H, bà Y 10,32m^2 đất của thửa 15 để ông H bà Y hợp vào thửa 16 thành một thửa, mục đích để thửa đất của ông H bà Y có mặt tiền giáp mặt đường 396B. Diện tích chuyển nhượng như sau: Phía Đông dài 2,4m (Giáp thửa 16) ; phía Tây dài 2,4m (giáp mặt đường 396B); Phía nam dài 4,3m (Giáp hộ ông Thắng); phía Bắc dài 4,3m giáp đất còn lại của ông T, bà L. Ngược lại ông H, bà Y chuyển nhượng lại cho ông T, bà L một phần diện tích đất của thửa đất số 16 giáp với thửa đất còn lại của ông T, bà L để ông T, bà L hợp lại thành thửa có chiều sâu chạy dọc. Diện tích chuyển nhượng là 173,6 m^2 cụ thể như sau: Phía Đông dài 9,9m (Giáp thửa đất bà Duyên); phía Tây dài 6,6m (giáp thửa đất còn lại của chúng tôi); Phía Nam dài 18,2m (Giáp thửa đất còn lại của ông H, bà Y); phía bắc dài 1.7+24.5 +7.5+8.4m giáp đất ông Hồng, ông D. Việc chuyển nhượng trên hai bên đã ký kết theo đúng quy định của pháp luật và đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp Quyết định số 481 và 482 ngày 16/10/2003 về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ việc chuyển nhượng trên đã hình thành hai thửa đất số 70 của ông H, bà Y và số 16 của ông T, bà L giáp cõi và đều có mặt tiền giáp mặt đường giao thông 396B, phía sau giáp khu dân cư như hiện nay.

Thửa đất gia đình ông T, bà L có một mặt giáp đường giao thông, còn ba mặt kia giáp ranh với ba hộ gia đình, cụ thể là: Hộ gia đình ông Trần Đình H1; Hộ gia đình ông Bùi Ngọc H, bà Trần Thị Y thì đã được giải quyết bằng Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và hộ gia đình Ông Nguyễn Danh D và bà Nguyễn Thị T1 (*Mảnh đất của gia đình ông D, bà T1 đã được UBND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Khi gia đình Ông Nguyễn Danh D và bà Nguyễn Thị T1 xây dựng nhà, thì gia đình ông không có ở nhà, nên gia đình ông D, bà T1 đã mở cửa sổ và đổ đua phần my cửa sổ

sang phần đất nhà ông, bà (*Tuy rằng phần móng nhà của gia đình Ông Nguyễn Danh D và bà Nguyễn Thị T1 không lấn sang đất của nhà ông, bà*). Vấn đề này, đã nhiều lần gia đình ông, bà đề nghị UBND thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ tổ chức hòa giải để buộc gia đình ông D, bà T1 phải cắt phần my cửa sổ đua sang phần diện tích nhà ông, bà (*Có chiều dài khoảng 1,2 m và chiều rộng khoảng 0,5 m*), đồng thời phải xây bít cửa sổ lại, nên UBND thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ đã tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng đều không thành. Nay ông, bà đề nghị buộc gia đình ông D, bà T1 phải cắt phần my cửa sổ đua sang nhà ông, bà ở tầng 1 (*Có chiều dài khoảng 1,2 m và chiều rộng khoảng 0,5 m*), đồng thời phải xây bít 02 cửa sổ ở tầng 2 lại theo quy định của pháp luật. Đồng thời phải trả phần đất khoảng 0,9 m^2 theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 18/4/2022 và ngày 02/5/2022 ông T, bà L, Ông L trình bày: Sau khi Tòa án tổ chức đo đạc và thẩm định tại chỗ diện tích đất đang tranh chấp thì gia đình ông T, bà L thấy gia đình ông D, bà T1 không lấn chiếm sang đất của gia đình ông, bà. Ông bà nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông T, bà L, Ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu gia đình ông D, bà T1 trả lại gia đình ông, bà khoảng 0,9 m^2 đất *(phần đất lấn chiếm có hình tam giác, cụ thể: chiều giáp đất nhà ông D, bà T1 dài 6,74 m, chiều giáp đất của gia đình ông T, bà L dài 6,77 m và chiều đáy dài 0,26 m)* và rút lại phần yêu cầu gia đình ông D, bà T1 phải phải xây bít cửa sổ lại. Đề nghị gia đình ông D, bà T1 phải cắt phần my cửa sổ đua sang phần không gian diện tích nhà ông, bà chiếu theo phương thẳng đứng sau khi đã thẩm định (*Có chiều dài là 1,2 m và chiều rộng là 0,22 m*).

Quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gồm Quyết định số 481/QĐ-UB, số 482/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai. Kết quả đo đạc địa chính hai thửa đất năm 2012 (*sau khi đã chuyển nhượng cho nhau*). UBND thị trấn Quỳnh côi cung cấp biên bản có sơ đồ kèm theo xác định hiện trạng sử dụng đất của hai thửa đất 15 và 16.

- *Tại đơn đề nghị, biên bản lấy lời khai Ông Nguyễn Danh D trình bày:* Gia đình ông với gia đình ông T, bà L là hàng xóm. Gia đình ông đang sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 2, thuộc tổ dân phố số X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình có diện tích 357,6 m^2. Nguồn gốc thửa đất của gia đình ông là do gia đình ông mua của ông Nguyễn Viết Ngôn vào năm 1994 với diện tích 350 m^2 theo sổ mục kê năm 1993 tại thửa số 12 tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất tổ 1, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có giấy tờ mua bán hợp pháp theo quy định của pháp luật. Theo bản đổ 299 và năm 1994 thì nhà ông trước đây giáp ranh với hộ ông H, bà Y. Mốc giới gia đình ông với gia đình ông H, bà Y được xây hàng gạch giữ móng và trồng cây mạch môn, phía bên ngoài nhà ông H, bà Y là nhà ông Thu, bà Lan. Khi ông Thu, bà Lan chuyển nhượng đất cho hộ ông T, bà L thì chưa thực hiện theo quy định

của pháp luật, không mời những hộ liền kề sang xác định mốc giới mà bàn giao cho nhau trong đó có phần móng nhà và mái hắt cửa số là 60 cm chạy dọc đầu hồi nhà ông đã được xây dựng từ năm 1979 đến nay chưa có biến động nào. Nay ông T muốn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có bảo gia đình ông ký giáp ranh các hộ liền kề thì ông không ký. Ông yêu cầu ông T, bà L phải chứng minh diện tích đất thực tế là của ông T, bà L. Nếu chứng minh được thì ông đề nghị đào diện tích đất giáp móng của gia đình ông giáp phần đất trống của gia đình ông T, bà L kéo thẳng đến hết thửa đất, móng của gia đình ông đến đâu thì đất gia đình ông đến đó. Vì gia đình ông xây dựng trước khi ông T, bà L đổi đất cho gia đình ông H, bà Y

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến, giữ nguyên quan điểm như nội dung yêu cầu khởi kiện và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nay yêu cầu bị đơn phải cắt phần my cửa sổ đua sang phần không gian diện tích nhà ông T, bà L chiếu theo phương thẳng đứng sau khi đã thẩm định (*Có chiều dài là 1,2 m và chiều rộng là 0,22 m*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, vì vậy đại diện Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến về việc chấp hành pháp luật của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 174, 175, 245, 246 Bộ luật dân sự; Điều 166, khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định bị đơn đã xây phần my cửa sổ lấn sang phần diện tích đất của nguyên đơn có diện tích là chiều dài 1,2m x chiều rộng 0,22 m. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm phải cắt phần my cửa sổ đua sang phần diện tích đất của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lại nguyên đơn 0,9 m^2 đất và xây bít cửa sổ lại. Nguyên đơn nhận chịu toàn bộ chi phí thẩm định đo đạc, định giá tài sản. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Tổ 1, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và diện tích đất tại Tổ 1, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ,

tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về chứng cứ: tại phiên tòa các đương sự không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Xét về diện tích đất tranh chấp: Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và sơ đồ thửa đất đang có tranh chấp; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Ông Nguyễn Danh D và bà Nguyễn Thị T1 xác định diện tích đất tranh chấp là 0,9 m^2.

[5] Về tính pháp lý của các thửa đất:

Thửa đất số 16, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 233,1m^2 của ông T, bà L liền kề thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 357,6m^2của Ông D, bà T1 hiện đang sử dụng tại tổ 1, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ có nguồn gốc là đất thổ cư được hình thành từ việc hai bên chuyển nhượng đất của hai thửa, thửa số 15 của ông T bà L và thửa số 16 của Ông H, bà Y như sau: ông T, bà L có thửa đất, số thửa 15, diện tích 65,6m^2 giáp cõi với thửa đất số 16, diện tích 244,2m^2 của Ông H, bà Y, địa chỉ hai thửa đất: Tổ X thị trấn Q, huyện Q. Do thửa đất số 15 diện tích nhỏ, nhưng nằm ngoài, giáp mặt đường giao thông 396B, thửa đất số 16 diện tích rộng hơn, nhưng nằm phía trong. Để thuận tiện cho việc xây dựng, sinh hoạt và cùng có mặt tiền phía trước giáp đường giao thông 396B lên hai bên đã thỏa thuận chuyển nhượng một phần diện tích đất cho nhau, theo đó ông T, bà L đã chuyển nhượng cho ông H, bà Y 10,32m^2 đất của thửa 15 để ông H bà Y hợp vào thửa 16 thành một thửa. *"Phía Đông dài 2,4m (Giáp thửa 16) ; phía Tây dài 2,4m (giáp mặt đường 396B); Phía nam dài 4,3m (Giáp hộ ông Thắng); phía Bắc dài 4,3m giáp đất còn lại của ông T bà L*". Ngược lại Ông H, bà Y chuyển nhượng lại cho ông T, bà L một phần diện tích đất của thửa đất số 16 giáp với thửa đất còn lại của ông T, bà L để ông T, bà L hợp lại thành thửa có chiều sâu chạy dọc. Diện tích chuyển nhượng 173,6 m^2 cụ thể: "*Phía Đông dài 9,9m (Giáp thửa đất bà Duyên); phía Tây dài 6,6m (giáp thửa đất còn lại của ông T, bà L); Phía Nam dài 18,2m (Giáp thửa đất còn lại của ông H, bà Y); phía Bắc dài 1.7+24.5+7.5+8.4m giáp đất ông Hồng*". Từ việc chuyển nhượng trên đã hình thành hai thửa đất số 70 và thửa đất số 16 giáp cõi nhau chạy dọc từ mặt đường 396B về phía sau và đều có mặt tiền giáp mặt đường giao thông 396B như hiện nay "*Kiểu hai nhà ống chạy dọc*" cụ thể như sau: Thửa đất của ông T bà L phía trước (Tây) giáp đường 396B, phía sau (Đông) giáp khu dân cư, phía cạnh (Bắc) giáp thửa đất ông Hồng và thửa đất ông D, phía cạnh (Nam) giáp thửa đất ông H bà Y. Việc mua bán chuyển nhượng đất giữa ông T, bà L với gia đình ông H bà Y đã được UBND huyện Quỳnh Phụ cấp Quyết định số 481và 482 ngày 16/10/2003 "*về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất*" và đã được Tòa án

nhân dân huyện Quỳnh Phụ giải quyết bằng Bản án số 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 nên có căn cứ được chấp nhận. Sau khi thẩm định diện tích đất của ông T bà L là 232,4 m^2.

Thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 02, diện tích 357,6m^2 của Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị T1: thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 823208 cho hộ Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị T1 đảm bảo trình tự, thủ tục do luật đất đai quy định nên được pháp luật bảo vệ.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua xem xét tài liệu, chứng chứng cứ nguyên đơn cung cấp và qua điều tra xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy tại Quyết định số 481, 482/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai và bản án số 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thì việc chuyển nhượng đất là có căn cứ nên được chấp nhận, xác định sau khi chuyển nhượng đất giữa hộ ông T, bà L với hộ ông H, bà Y thì diện tích đất của ông T, bà L là 233.1 m^2, địa chỉ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 2, thuộc tổ dân phố số X, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/3/2022 thì nguyên đơn xác định diện tích đất là 232,4 m^2.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ lập ngày 23/3/2022; bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và sơ đồ thửa đất đang có tranh chấp; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Ông Nguyễn Danh D và bà Nguyễn Thị T1, biên bản lấy lời khai bị đơn thể hiện: Hiện trạng trên ranh giới được thể hiện từ điểm 7 đến điểm 8 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 823208 cho hộ Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị T1 và trong sơ đồ thửa đất kèm theo là phần móng nhà chìm âm dưới tường móng nổi của gia đình ông D, bà T1 giáp hộ ông T, bà L. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định phần my cửa sổ của gia đình ông D, bà T1 đã lấn sang phần không gian diện tích nhà ông T, bà L có chiều dài 1,2m x chiều rộng 0,22 m, buộc bị đơn phải có trách nhiệm phải cắt phần my cửa sổ đua sang phần diện tích đất của nguyên đơn.

Đối với bị đơn Ông Nguyễn Danh D trình bày: Ông yêu cầu ông T, bà L phải chứng minh diện tích đất thực tế là của ông T, bà L vì ông xác định diện tích đất nhà ông giáp nhà ông H, bà Y là không có căn cứ vì: tại Quyết định số 481, 482/QĐ-UB ngày 16/10/2003 của UBND huyện Quỳnh Phụ về việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất đai và bản án số 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thì việc chuyển nhượng đất giữa hộ ông T, bà L với hộ ông H, bà Y là hợp pháp. Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị T1 thì biên bản thẩm tra hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/4/2018 có xác nhận của chính quyền địa phương thì ông Vũ Đức T có ký xác nhận các chủ sử dụng đất liền kề với hộ ông D, bà T1 điều này chứng tỏ hộ ông D, bà T1 giáp hộ ông T, bà L. Ông D xác định nếu chứng minh được đất nhà ông giáp hộ ông T, bà L thì ông nhất trí móng

của gia đình ông đến đâu thì đất gia đình ông đến đó. Do đó xác định ranh giới đất là phần móng âm của gia đình ông D giáp hộ ông T, bà L có sơ đồ kèm theo.

Do ông T, bà L, Ông L rút yêu cầu về phần một phần yêu cầu khởi kiện, rút lại yêu cầu gia đình ông D, bà T1 trả lại gia đình ông, bà khoảng 0,9 m2 đất và xây bít cửa sổ lại do đó Tòa án đình chỉ yêu cầu này.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đo đạc thẩm định và định giá tài sản với chi phí là 4.500.000 đồng. Ông T, bà L nhận chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản (ông T, bà L đã thanh toán xong).

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông D, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại ông T, bà L án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 174, 175, 245, 246 Bộ luật dân sự khoản 1 Điều 170, Điều 203 Luật đất đai; Điều 26, Điều 35, Điều 39 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị L.

- Xác định phần my cửa sổ hộ gia đình Ông Nguyễn Danh D, bà Nguyễn Thị T1 xây trên Thửa đất số 17, tờ bản đồ địa chính số 02 đã lấn sang phần không gian diện tích đất của ông Vũ Đức T, bà Nguyễn Thị L tại Thửa đất số 16, tờ bản đồ địa chính số 02 có chiều dài 1,2m x chiều rộng 0,22 m. Có sơ đồ kèm theo.

Buộc ông D, bà T1 phải có trách nhiệm phải cắt phần my cửa sổ đua sang phần diện tích đất của nguyên đơn.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu gia đình ông D, bà T1 phải trả lại gia đình ông T, bà L 0,9 m^2 đất và xây bít cửa sổ lại.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông T, bà L tự nguyện chịu số tiền thẩm định và định giá tài sản là 4.500.000 đồng *(Ông T, bà L đã nộp đủ).*

3. Về án phí: Ông D, bà T1 phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông T, bà L 300.000đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004489 ngày 12/10/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện Quỳnh Phụ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Quốc Doanh